

BỘ VĂN HOÁ - THÔNG
TIN-BỘ XÂY DỰNG
Số:
04/2003/TTLT/BVHTT-
BXD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2003

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Về hướng dẫn về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc

Căn cứ Nghị định số 76/CP ngày 29/11/1996 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định về quyền tác giả trong Bộ Luật Dân sự (dưới đây viết tắt là Nghị định 76/CP);

Căn cứ Nghị định số 60/CP ngày 6/6/1997 của Chính phủ hướng dẫn thi hành các quy định của Bộ Luật Dân sự về quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài (dưới đây viết tắt là Nghị định 60/CP);

Bộ Văn hoá - Thông tin, Bộ Xây dựng hướng dẫn về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc như sau:

I. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ:

Một số thuật ngữ được hiểu như sau:

1. "Tác phẩm kiến trúc" theo quy định tại Khoản 8 Điều 4 Nghị định 76/CP là các bản vẽ thiết kế thể hiện ý tưởng sáng tạo về ngôi nhà, công trình xây dựng, quy hoạch không gian (quy hoạch xây dựng) đã hoặc chưa xây dựng.

Tác phẩm kiến trúc bao gồm các bản vẽ thiết kế về mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt, phối cảnh, thể hiện ý tưởng sáng tạo về ngôi nhà, công trình, tổ hợp công trình kiến trúc, tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan của một vùng, một đô thị, hệ thống đô thị, khu chức năng đô thị, khu dân cư nông thôn.

Mô hình, sa bàn và bản thuyết minh (nếu có) về ngôi nhà cụ thể, công trình xây dựng hoặc quy hoạch không gian được coi là bộ phận không tách rời của tác phẩm kiến trúc, nhưng không thay thế bản vẽ thiết kế để được coi là tác phẩm độc lập.

2. "Sáng tạo tác phẩm kiến trúc" được hiểu là hoạt động tư duy của tác giả trực tiếp làm ra một phần hoặc toàn bộ tác phẩm thể hiện dưới dạng bản vẽ thiết kế.
3. "Sao chép tác phẩm kiến trúc" là hành vi vẽ lại một phần hoặc toàn bộ tác phẩm kiến trúc.
4. "Sao chụp tác phẩm kiến trúc" là hành vi làm ra các bản sao giống hệt như tác phẩm kiến trúc hoặc một phần tác phẩm kiến trúc bằng cách chụp ảnh, photocopy hoặc bằng các phương pháp tương tự khác.
5. "Bản sao tác phẩm kiến trúc" là bản sao chép hoặc sao chụp lại một phần hoặc toàn bộ tác phẩm kiến trúc.
6. "Chủ sở hữu tác phẩm kiến trúc" là cá nhân hoặc pháp nhân sở hữu quyền tác giả theo quy định của pháp luật.
7. "Tác phẩm kiến trúc đồng tác giả" là tác phẩm do từ hai tác giả trở lên cùng sáng tạo ra.
8. "Tác phẩm kiến trúc khuyết danh" là tác phẩm kiến trúc không có tên tác giả (tên thật hoặc bút danh) trên tác phẩm khi công bố, phổ biến.
9. "Tác phẩm kiến trúc không rõ tác giả" là tác phẩm kiến trúc khi công bố, phổ biến chưa xác định được tác giả.
10. "Tác phẩm kiến trúc di cảo" là tác phẩm kiến trúc được công bố, phổ biến lần đầu tiên sau khi tác giả đã qua đời.
11. "Công bố, phổ biến tác phẩm kiến trúc" là việc thể hiện cho công chúng biết về tác phẩm thông qua xuất bản, thuyết trình, trưng bày hoặc giới thiệu trên các phương tiện thông tin đại chúng.

II. TÁC PHẨM KIẾN TRÚC ĐƯỢC BẢO HỘ:

1. Các tác phẩm kiến trúc được bảo hộ tại Việt Nam:
 - 1.1. Tác phẩm kiến trúc của tác giả là công dân Việt Nam;
 - 1.2. Tác phẩm kiến trúc thuộc sở hữu của công dân, pháp nhân, tổ chức Việt Nam;
 - 1.3. Tác phẩm kiến trúc của người nước ngoài, pháp nhân nước ngoài được sáng tạo và thể hiện như quy định tại Điểm 1 Mục I của Thông tư này ở Việt Nam;

1.4. Tác phẩm kiến trúc của người nước ngoài, pháp nhân nước ngoài lần đầu tiên được công bố, phổ biến tại Việt Nam;

1.5. Tác phẩm kiến trúc của người nước ngoài, pháp nhân nước ngoài được bảo hộ tại Việt Nam theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia.

2. Các tác phẩm kiến trúc được bảo hộ tại Việt Nam theo quy định tại Điểm 1 Mục I của Thông tư này và không là đối tượng bảo hộ sở hữu công nghiệp, không có nội dung như quy định tại khoản 1 Điều 749 Bộ Luật Dân sự.

III. TÁC GIẢ CỦA TÁC PHẨM KIẾN TRÚC:

1. Tác giả của tác phẩm kiến trúc:

Tác giả của tác phẩm kiến trúc là người trực tiếp sáng tạo ra toàn bộ hoặc một phần tác phẩm kiến trúc.

2. Đồng tác giả tác phẩm kiến trúc:

Những người cùng trực tiếp sáng tạo ra một tác phẩm kiến trúc là đồng tác giả của tác phẩm kiến trúc đó.

3. Người hỗ trợ, góp ý kiến, cung cấp tư liệu, thực hiện công việc thiết kế theo chỉ dẫn, quản lý thiết kế, tư vấn cho người trực tiếp sáng tạo ra tác phẩm kiến trúc không phải là tác giả hoặc đồng tác giả của tác phẩm kiến trúc.

IV. CHỦ SỞ HỮU TÁC PHẨM KIẾN TRÚC:

1. Chủ sở hữu tác phẩm kiến trúc đồng thời là tác giả:

Tác giả đồng thời là chủ sở hữu tác phẩm kiến trúc trong trường hợp tác giả sử dụng thời gian, tài chính và các điều kiện vật chất khác của mình để thực hiện công việc sáng tạo ra tác phẩm kiến trúc, bao gồm các trường hợp sau:

1.1. Tác giả là chủ sở hữu toàn bộ hoặc một phần tác phẩm do mình sáng tạo, trừ trường hợp tác phẩm sáng tạo theo nhiệm vụ được giao, theo hợp đồng;

1.2. Các đồng tác giả là chủ sở hữu chung tác phẩm do họ cùng sáng tạo, trừ trường hợp tác phẩm sáng tạo theo nhiệm vụ được giao, theo hợp đồng.

2. Chủ sở hữu tác phẩm kiến trúc không đồng thời là tác giả:

Cá nhân hoặc tổ chức chịu trách nhiệm cung cấp tài chính hoặc các điều kiện có tính chất quyết định đối với công việc sáng tạo ra tác phẩm kiến trúc cho tác giả là chủ sở

hữu tác phẩm kiến trúc đó, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác, bao gồm các trường hợp sau:

2.1. Tác phẩm kiến trúc do tác giả sáng tạo theo nhiệm vụ được giao thì cơ quan, tổ chức giao nhiệm vụ là chủ sở hữu tác phẩm kiến trúc;

2.2. Tác phẩm kiến trúc do tác giả sáng tạo theo hợp đồng ký kết giữa một bên là tác giả hoặc tổ chức thiết kế có tư cách pháp nhân, nơi tác giả làm việc, với một bên là cá nhân, tổ chức thuê thiết kế và đã trả trọn gói để được sở hữu tác phẩm kiến trúc;

2.3. Tác phẩm kiến trúc được sáng tạo trong các cuộc thi mà điều lệ cuộc thi đã xác định quyền sở hữu tác phẩm kiến trúc không thuộc về tác giả;

2.4. Tác phẩm kiến trúc được tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm chuyển giao cho người khác theo hợp đồng hoặc cho, biếu, tặng hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.

V. QUYỀN CỦA TÁC GIẢ, QUYỀN CỦA CHỦ SỞ HỮU TÁC PHẨM KIẾN TRÚC:

1. Thời điểm phát sinh quyền tác giả:

Quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc phát sinh ngay sau khi ý tưởng sáng tạo của tác giả được thể hiện dưới dạng bản vẽ thiết kế, không phụ thuộc vào việc tác phẩm đã công bố hoặc chưa công bố; đã đăng ký bảo hộ hoặc chưa đăng ký bảo hộ.

2. Quyền của tác giả tác phẩm kiến trúc:

Theo quy định tại các Điều 750, 751, 752, 755 Bộ Luật Dân sự, các Điều 8, 10 Nghị định 76/CP và Mục III, Thông tư số 27/2001/TT-BVHTT ngày 10/5/2001 của Bộ Văn hoá - Thông tin hướng dẫn thực hiện Nghị định số 76/CP ngày 26/11/1996, Nghị định số 60/CP ngày 6/6/1997 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định về quyền tác giả trong Bộ Luật Dân sự (dưới đây viết tắt là Thông tư 27/2001/TT-BVHTT), quyền của tác giả tác phẩm kiến trúc bao gồm các quyền nhân thân và các quyền tài sản.

2.1. Đối với tác giả đồng thời là chủ sở hữu tác phẩm kiến trúc:

2.1.1. Tác giả đồng thời là chủ sở hữu tác phẩm kiến trúc có các quyền nhân thân không được chuyển giao cho người khác, bao gồm:

a. Đặt tên cho tác phẩm;

- b. Đặt tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm; được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, phổ biến, sử dụng;
- c. Bảo vệ sự toàn vẹn tác phẩm, cho phép hoặc không cho phép người khác sửa đổi nội dung tác phẩm.

2.1.2. Tác giả đồng thời là chủ sở hữu tác phẩm kiến trúc có các quyền nhân thân có thể được chuyển giao toàn bộ hoặc một phần cho người khác theo hợp đồng bằng văn bản hoặc cho, biếu tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật, bao gồm:

- a. Công bố, phổ biến hoặc cho người khác công bố, phổ biến tác phẩm của mình dưới các hình thức như: xuất bản, tái bản, sao chép tác phẩm; trưng bày tác phẩm trước công chúng; truyền đạt tác phẩm tới công chúng bằng bất kỳ phương tiện hoặc cách thức nào; phân phối tác phẩm hoặc bản sao tác phẩm bằng cách bán, cho thuê hoặc bằng cách khác; nhập khẩu các bản sao tác phẩm của mình từ nước ngoài vào Việt Nam;
- b. Cho hoặc không cho người khác sử dụng tác phẩm của mình dưới các hình thức như: xây dựng, sao chép, sao chụp lại tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào.

2.1.3. Tác giả đồng thời là chủ sở hữu tác phẩm kiến trúc có các quyền tài sản được chuyển giao toàn bộ hoặc một phần cho người khác theo hợp đồng bằng văn bản hoặc cho, biếu, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật, bao gồm:

- a. Được hưởng nhuận bút;
- b. Được hưởng thù lao khi tác phẩm được sử dụng;
- c. Được hưởng lợi ích vật chất từ việc cho người khác sử dụng tác phẩm dưới các hình thức như: xây dựng, xuất bản, tái bản, trưng bày, triển lãm; cho thuê;
- d. Nhận giải thưởng đối với tác phẩm mà mình là tác giả, trừ trường hợp tác phẩm không được Nhà nước bảo hộ.

2.2. Đối với tác giả không đồng thời là chủ sở hữu tác phẩm kiến trúc:

2.2.1. Tác giả không đồng thời là chủ sở hữu tác phẩm kiến trúc có các quyền nhân thân không được chuyển giao cho người khác, bao gồm:

- a. Đặt tên cho tác phẩm;